

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

QUY NHƠN
Số: 1246 /BVLPQN-DVTTBYT

V/v Mời chào giá Mua sắm vật tư y tế,
công cụ dụng cụ, hóa chất và sinh phẩm
chẩn đoán in vitro để phục vụ công tác
khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng của
Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn
năm 2027-2028 (24 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 17 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các công ty kinh doanh, cung cấp thiết bị y
tế tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu
thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm
2026 Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa
chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-BVLPQN ngày 16/9/2026 của Giám đốc
Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn về việc phê duyệt danh mục, số lượng,
tiêu chuẩn kỹ thuật Mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất và sinh phẩm
chẩn đoán in vitro để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng của
Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn năm 2027-2028 (24 tháng).

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn có nhu cầu thu thập báo giá để xây
dựng giá gói thầu Dự toán Mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất và sinh
phẩm chẩn đoán in vitro để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng
của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn năm 2027-2028 (24 tháng), với những
nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Tên dự toán: Mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất và sinh
phẩm chẩn đoán in vitro để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng
của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn năm 2027-2028 (24 tháng).

2. Tên gói thầu:

- Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ năm 2027-2028 (24
tháng)

Danh mục gồm 100 mặt hàng (Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm)

- Gói thầu số 2: Mua sắm hoá chất y tế, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm
2027-2028 (24 tháng)

Danh mục gồm 87 mặt hàng (*Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm*)

3. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn

Địa chỉ: Số 07 Hồ Đắc Di, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai

4. Phân loại báo giá: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế

5. Thông tin, cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận Online qua website: muasamcong.mpi.gov.vn

- Hoặc nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện đến: Phòng Văn thư – Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn:

+ Tên người nhận báo giá: Phan Huỳnh Ngọc Hiếu; Chức vụ: Viên chức phòng Tổ chức hành chính.

+ Địa chỉ: Số 07 Hồ Đắc Di, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai

+ Số điện thoại: 02563848892

+ Mail: bvlaophoiquynhonsytgialai@gmail.com

6. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải đến trước 17h00 ngày 02/10/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

7. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 02/10/2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hoá đề nghị báo giá: (*Chi tiết tại phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo*)

Giá hàng hóa trên bao gồm: Giá bán; thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có); chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan... để cung cấp hàng hoá đến tận kho của Khoa Dược- Vật tư, thiết bị y tế của Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Quy Nhơn.

2. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- Báo giá của đơn vị kèm thông tin mô tả sản phẩm (*theo mẫu Phụ lục 3 đính kèm*) do người đại diện hợp pháp của công ty ký tên, đóng dấu (giấy ủy quyền kèm theo nếu không phải do người đại diện hợp pháp ký công văn báo giá).

Trong quá trình thực hiện, mọi thắc mắc vui lòng liên hệ khoa Dược – VT,TBYT. Điện thoại: 0256.3848.527 (gặp DS Ngọc hoặc DS Nhung).

*** Ghi chú:**

- Phía ngoài bì thư gửi báo giá, ghi rõ: “Bảng báo giá Mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất và sinh phẩm chẩn đoán in vitro để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn năm 2027-2028 (24 tháng)”.

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn rất mong nhận được thư chào giá, các tài liệu liên quan của các Công ty/ Đơn vị./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BV;
- Phòng TCKT
(Đăng trang muasamcong.mpi.gov.vn);
- Trang TTĐT Bệnh viện;
- Lưu: VT, DVTTBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Phúc Thanh

DANH MỤC HÀNG HOÁ
GÓI THẦU SỐ 1: MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ NĂM 2027-2028 (24 THÁNG)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Ambu bóp bóng người lớn silicon	Mặt nạ dùng cho người lớn, chất liệu silicone y tế, có thể tiệt trùng. Dùng nhiều lần Bộ gồm (01 bóp bóng cấp cứu + 01 mặt nạ + 01 túi chứa khí + 01 bộ dây nối oxy+ 01 bộ đường thông khí) Chất liệu: + Mặt nạ: Làm bằng silicon + Bóp bóp: Silicon, dung tích: 1.500ml + Túi chứa khí: PVC, dung tích: 2.500ml + Ống dẫn khí: PVC	Cái	6	
2	Bàn chải vệ sinh răng miệng hút áp lực	Bàn chải đánh răng bằng bọt biển hút nước dùng một lần cho bệnh nhân ICU - Vật liệu PVC. - Tay cầm: 173mm, chổi: 34mm, Tổng chiều dài: 200mm	Cái	50	
3	Bàn thủ thuật có bánh xe nâng hạ	Chất liệu: Inox 304 không rỉ, có bánh xe cao su. Kích thước: D820 x R520 x C840-1230 Kích thước khay: D820 x R520 Phần khay inox tấm dập định hình sâu 20mm có hàn cố định với chân giá. Chiều cao khay có thể thay đổi lên xuống bằng tay vận.	Cái	1	
4	Băng Dính Vô Trùng trong suốt Cố Định Kim Luân Không Thẩm Nước	Chất liệu: Màng PU y tế + keo dính an toàn Tính năng: Chống nước, thoáng khí, vô trùng Màu sắc: Trong suốt Kích thước: 10 × 12 cm.	Miếng	20.000	
5	Băng keo chỉ thị nhiệt	Kích thước: 12mm x 55m, dùng để kiểm tra gói dụng cụ đã hấp và chưa hấp thông qua vạch, dùng trong kỹ thuật hấp ướt	Cuộn	60	
6	Bình dẫn lưu màng phổi	Cấu hình: 01 chiếc bình hút dẫn lưu, 01 chiếc bộ dẫn lưu màng phổi; Bình trong suốt, thể tích từ 1600ml đến 2500ml - Đóng gói tiệt khuẩn	Cái	600	
7	Bộ dây cáp máy điện tim	Bộ dây cáp máy điện tim tương thích với máy điện tim 12 chuyển đạo (Tương thích với máy Mindray BeneHeart R12)	Bộ	2	
8	Bộ dây hút đàm kín	Size 14 hoặc 16 Dây hút đàm kín có valve khóa 2 chiều, có màng lọc khuẩn 0.3micron, co nối, dây chia vạch, chiều dài ống dây 54cm. - Nguyên liệu PVC y tế, không latex.	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Bộ phụ kiện cảm biến đo SPO2 cho máy monitor	Thiết kế cảm biến spo2 kiểu kẹp ngón tay. - Kẹp có đệm cao, không làm đau ngón tay khi sử dụng lâu. - Dây cảm biến spo2 dài 3m. - Đầu nổi tròn 10 chân Tương thích với máy Monitoring OMNI-A-1505	Bộ	4	
10	Bộ phụ kiện đo huyết áp cho máy monitor	Chất liệu: Cao su y tế, silicone và vải. Kích thước: 23Cm ~ 33Cm Bao đo huyết áp 1 ống dây + ống nối bao quấn huyết áp (hãng Nihon Kohden) Tương thích với model máy monitor 5 thông số PVM-2701	Bộ	5	
11	Bộ phụ kiện đo huyết áp cho máy monitor	Chất liệu: Cao su y tế, silicone và vải. Kích thước tiêu chuẩn, đo huyết áp cho người lớn: 27 ~ 35cm Bao đo huyết áp 1 ống dây Tương thích với máy Monitoring OMNI-A-1505	Bộ	4	
12	Bơm tiêm 1ml	* Dung tích: 1ml sử dụng một lần * Thành phần: - Kim: chất liệu thép không gỉ. Kim 26G x 1/2. - Ống Xy lanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. - Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc.	Cái	3.000	
13	BƠM TIÊM 50 CHO ĂN	* Dung tích: 50ml. Dùng cho ăn - Ống Xy lanh, Pittông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. - Có đầu khóa Luer. - Vô trùng	Cái	100	
14	Bơm tiêm 50ml	* Dung tích: 50ml. Đầu nhỏ lắp vừa kim tiêm. * Thành phần: + Ống xy lanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế.	Cái	250	
15	Bơm tiêm khí máu động mạch	- Bơm tiêm lấy khí máu động mạch, thể tích 1ml. - Kích thước kim 25G x 5/8 inch. - Hàm lượng chất chống đông máu: Định lượng theo I.U.: ~ 50 I.U./ml máu. Công dụng: Dùng thu thập máu cho việc phân tích pH, khí máu, đo oxy, chất điện giải và chất chuyển hóa. - Thân bơm tiêm làm từ nhựa Polypropylene (PP) y tế, trong suốt, có vạch chia thể tích rõ ràng. - Núm chặn pít-tông và nắp đậy đầu bơm tiêm bằng vật liệu cao su tổng hợp Isoprene, không chứa mù cao su tự nhiên - Đầu bơm tiêm dạng Slip Tip, tương thích kết nối trực tiếp với các cổng lấy mẫu hoặc catheter động mạch. Có nắp đậy đầu bơm tiêm (Tip Cap) vô trùng để bảo vệ mẫu sau khi lấy.	Cái	200	
16	Bóng đèn halogen	Bóng đèn 12V-20W, mới 100% tương thích với Máy xét nghiệm sinh hóa tự động TC- Matrix	Cái	8	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	Cán dao mổ	Bằng Inox dùng trong y tế, tay cầm dẹt phù hợp với lưỡi dao 10,11,12,15 tương đương số 3,4	Cái	40	
18	Catheter 3 nòng (Đặt Tĩnh mạch trung tâm)	Kích cỡ 7F x 20 cm Bao gồm: 01 catheter 3 nòng (18Ga,18Ga, 16Ga) chất liệu polyurethane có cân quang với đầu mềm, dây nối dài, kẹp dây, cánh tiêm + 01 Dây dẫn đường kim loại / Nitinol mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn, kích cỡ 0.035" x 60cm + 01 kẹp catheter + 01 kim dẫn đường sắc bén 18G x 6.5cm (Introducer Needle) + 01 bơm tiêm 5ml + 3 kẹp + 1 nong bằng nhựa 8F x 10cm (Vesal dilator) + 03 nắp bảo vệ + 01 kim tiêm + dao mổ số 11	Bộ	30	
19	Chỉ phẫu thuật không tan (Chỉ khâu không tiêu) tổng hợp đơn sợi	Nylon/Polyamide số 1, dài 75cm, kim tam giác 3/8C, dài 40mm bằng thép không rỉ.,	Tép	400	
20	Chỉ phẫu thuật không tan (Chỉ khâu không tiêu) tổng hợp đơn sợi	Nylon/Polyamide Số 2/0, dài 75 cm. Kim tròn mũi nhọn 1/2C, dài 26 mm bằng thép không rỉ.	Tép	100	
21	Dao mổ	Làm bằng thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia gamma. Số 10-11.	Cái	100	
22	Đầu côn vàng	Có khóa dùng cho pipette 10µl, 100µl	Cái	5.000	
23	Đầu côn xanh	Có khóa dùng cho pipette 10µl, 100µl	Cái	5.000	
24	Dây Garo cầm máu có khóa	- Chất liệu vải co giãn cao cấp - Chiều dài 45cm, có khóa bằng nhựa.	Cái	50	
25	Dây hút nhớt có khóa	Số 14, ống dẫn làm bằng chất liệu nhựa cao cấp, không gây kích ứng	Cái	200	
26	Dây nối bơm tiêm điện	Chất liệu nhựa tổng hợp y tế không độc tố. Được tiệt trùng, dài 140 cm	Cái	1.500	
27	Dây nối Oxy	Chất liệu nhựa y tế, dài 2 mét. Bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi	Cái	700	
28	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Dây 2 nhánh người lớn, nhựa y tế an toàn, mềm mại, không gây dị ứng. Bì 1 cái, tiệt trùng.	Cái	10.000	
29	Dây thở oxy một nhánh	Số 14, làm bằng nhựa đã tiệt khuẩn, sử dụng một lần.	Cái	700	
30	Dây truyền đếm giọt	Dây truyền dịch đếm giọt loại 60 giọt , có bộ điều chỉnh giọt chính xác. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO. - Chất liệu: ống PVC mềm, trong suốt, - KT độ rộng ống 3 x 4.1mm, chiều dài tiêu chuẩn 180cm, không chứa chất gây độc DEHP	Cái	30	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	Đèn soi thủ thuật	- Chân đèn chiều cao từ 1m đến 1,7m. Bộ gồm: Vỏ đèn, thân đèn làm bằng inox, chóa đèn chất liệu nhôm hoặc tương đương. - Bóng đèn công suất 40W - max 250W, có điều chỉnh tăng giảm được độ nóng, đuôi đèn ceramic. - Cố định vị xoay được. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	1	
32	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn	- Đồng hồ cơ: chất liệu vỏ bằng kim loại, với kim đo và ống nối silicon để nối với van của bóng chèn - Kích thước mặt đồng hồ: 68mm - Dải áp suất rộng từ 0-120cmH₂O	Cái	1	
33	Dụng cụ chống cắn lưỡi (Airway)	- Chất liệu: Nhựa y tế cứng hoặc polyethylene không độc hại - Thiết kế: Độ cong tự nhiên ôm theo vòm họng, có rãnh thông khí và lớp lót bảo vệ răng, môi, lưỡi - Số 2, Chiều dài 80mm	Cái	60	
34	Filter lọc khuẩn	Kích thước phù hợp với máy đo chức năng hô hấp, thiết kế có đầu ngâm. Hiệu quả lọc tối đa 0,027 µm, lọc khuẩn BEF ≥ 99,99%, lọc virus ≥ 99,99%	Cái	5.000	
35	Filter lọc khuẩn và tạo ẩm	- Bộ lọc hệ thống thở dùng một lần (HMEF) được sử dụng cho vi khuẩn, lọc hạt trong máy thở và máy gây mê để tăng độ ẩm của khí. - Loại ba chức năng. Trong suốt. Không chứa latex; - Thể tích thở 200-1500ml - Lọc khuẩn: BFE 99.99%; VFE 99.99% - Đầu nối 15mmF/22mmM	Cái	50	
36	Giấy chỉ thị hóa học	Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn 121 độ C hoặc 132 độ C. Đánh giá 3 thông số: nhiệt độ, thời gian, hơi nước.	Hộp	4	
37	Giấy điện tim 12 cần	Kích thước 210mm x 30m, Sắp 200 tờ khổ A4	Xấp	10	
38	Giấy in điện tim dùng cho máy monitor	Giấy in nhiệt. Dạng xấp, kích thước 50mm x 20m loại dùng cho monitor Nihon Kohden model PVM-2701	Xấp	30	
39	Giấy in máy điện tim 6 cần	Kích thước 110x140x200	Xấp	60	
40	Giấy in nhiệt cho máy đo chức năng hô hấp	Kích thước 110mm x 20m	Cuộn	50	
41	Giấy in nhiệt cho máy đo điện giải	Kích thước 57mm x 30m	Cuộn	60	
42	Hộp bông cotton Inox	- Hộp có nắp bằng inox, dùng trong y tế: Ø7,5cm x 6 cm - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế	Hộp	30	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
43	Hộp chữ nhật	- Hộp có nắp bằng inox, dùng trong y tế. Kích thước: 20cm x 10cm x 5cm - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Cái	30	
44	Hộp hấp tròn Inox	- Hộp bằng inox, dùng trong y tế: Ø200mm - Cao 140 (mm) - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế	Hộp	12	
45	Hộp Inox (Hộp chống sốc)	- Hộp có nắp bằng inox, dùng trong y tế. Kích thước: 25cm x 10cm x 5cm - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Hộp	24	
46	Hộp inox có nắp	- Hộp có nắp bằng inox, dùng trong y tế. Kích thước: 22cm x 11cm x 27cm - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Hộp	20	
47	Huyết áp kế	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg ; Độ chính xác ± 3 mmHg; Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su. Vòng bít làm bằng chất liệu vải . Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn	Cái	50	
48	Kéo thẳng cắt chỉ 2 đầu nhọn	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kích thước dài 14 cm; - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	50	
49	Kéo thẳng cắt chỉ 2 đầu nhọn	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kích thước: 12cm - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	40	
50	Kéo thẳng nhọn	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kích thước: Dài 16cm, 2 đầu nhọn. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	42	
51	Kẹp phẫu tích có máu	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kẹp da, mũi thẳng, dài 16cm.. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, sản xuất tại các quốc gia thành viên G7, chứng nhận lưu hành tự do của FDA (Hoa Kỳ) /CE (Châu Âu)	Cái	30	
52	Kẹp phẫu tích không máu	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kẹp mô, mũi thẳng, dài 16cm. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	20	
53	Khẩu trang N95	Nẹp mũi bằng kim loại, điều chỉnh được, giúp linh hoạt và kín khít. Đệm mũi thoải mái. Công nghệ dệt tĩnh điện, màng dệt sợi carbon được thiết kế phòng ngừa nguy cơ nhiễm khuẩn và các tác nhân lây nhiễm khác. Hiệu quả lọc $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn NIOSH hoặc tương đương	Cái	2.000	
54	Khay chữ nhật Inox	- Chất liệu inox - Kích thước: 30cm x 22cm x 2cm - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO, dùng trong y tế.	Cái	40	
55	Khay chữ nhật Inox	- Chất liệu inox - Kích thước: 20cm x 30cm x 2cm - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO, dùng trong y tế.	Cái	40	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	Khóa ba chạc có dây nối	Chất liệu: PVC, Polycarbonate, Polypropylene,.... - Vô trùng, không độc hại, không pyrogenic. Xoay 360°. Tiệt trùng bằng khí E.O - Dây nối nhựa PVC dài 25cm mềm dẻo, chống xoắn.	Cái	50	
57	Khung tập đi có ghế ngồi	Khung hợp kim nhôm Điều chỉnh được cao thấp. Hỗ trợ bệnh nhân đi lại dễ dàng Có bộ ngồi khi mỏi chân. Thông số kỹ thuật: Cao 83-93cm, rộng 63, dài 48cm (+/- sai số 5%) - Bánh xe: 12.5 cm - Trọng lượng: 2.8kg	Chiếc	2	
58	Khung tập đi không có ghế ngồi	Khung hợp kim nhôm Điều chỉnh được cao thấp. Hỗ trợ bệnh nhân đi lại dễ dàng Thông số kỹ thuật: Cao 79-97, rộng 58, dài 53cm (+/- sai số 5%) - Bánh xe: 12.5 cm - Trọng lượng: 5,5kg	Chiếc	2	
59	Kim kẹp kim loại 16 cm	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kích thước: dài 16cm. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	30	
60	Kim tiêm dùng lấy thuốc số 18	Kim 18G 1x1/2 inch. Kim được làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt. Đóng gói vô khuẩn	Cái	60.000	
61	Kính bảo hộ	Màu sắc: đen, nâu trong suốt, xám trong suốt (đều có lớp chống sương mù), có độ bền cao, có thể dùng lại nhiều lần sau khi được làm sạch và khử trùng đúng cách - Chất liệu khung: PC. - Chất liệu gọng: PVC. - Độ dày trong kính: 0,1. - Kích thước: rộng 137mm, dài 125mm, cầu mũi 13mm, trong kính 56 x 45mm.	Cái	20	
62	Lam kính	Kích thước: 25.4mm x 76.2mm; Độ dày: 1mm - 1.2mm, một đầu mài nhám	Cái	10.000	
63	Lọ cắm panh	Chất liệu: Inox 304 không rỉ Đường kính 5cm, chiều cao 14cm	Cái	10	
64	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa trong suốt, có nắp nhựa, có nhãn, dung tích 50 - 60ml	Lọ	20.000	
65	Mặt nạ dùng cho máy thở không xâm lấn	- Mặt nạ lớp đệm kép được làm bằng chất liệu bằng Silicon - Có van chống ngạt đảm bảo an toàn khi các luồng khí ngưng hoặc bị chặn - Ống khuy xoay đa chiều cung cấp vị trí ống linh hoạt - Size S, M, L	Cái	10	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
66	Mặt nạ thở khí dung người lớn	Bộ phụ kiện Mask thở khí dung sử dụng được cho mọi loại máy xông khí dung bao gồm: dây dẫn khí, cốc đựng thuốc, mặt nạ	Cái	3.000	
67	Mặt nạ thở oxy có túi dự trữ	* Được làm từ chất liệu nhựa PVC được dùng trong y tế. Gồm có: - Túi hơi dùng để dự trữ khí oxy. - Ống hơi được mở an toàn. - Mask với dây đeo đàn hồi. - Kẹp mũi điều chỉnh được. - Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2m. * Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi; * Size: S, M, L, XL; * Kích thước: 47cm x 39cm x 25 cm	Cái	500	
68	Máy đo đường huyết tại giường	Bộ gồm: - Máy đo đường huyết, bút lấy máu, kim lấy máu, que thử đường huyết. - Kích thước: 10 x 5.8 x 2.25 cm - Thể tích máu: Khoảng 1 uL - Khoảng đo rộng: 1,1 mmol/L ~ 33,3 mmol/L (20 mg/dL-600 mg/dL) - Màn hình LCD hiển thị trực quan - Trọng lượng khoảng 45g - 50g - Nguồn điện: dùng pin AAA	Cái	3	
69	Miếng dán điện cực	Điện cực đo điện tâm đồ, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối.	Cái	1.000	
70	Nhiệt kế thủy ngân	Làm bằng thủy tinh gồm 3 phần: bầu đựng thủy ngân, cột dẫn thủy ngân giãn nở khi tiếp xúc với môi trường từ đó đo được nhiệt độ của môi trường, các vạch số	Cái	50	
71	Nhiệt kế tủ lạnh	Nhiệt kế điện tử chuyên dụng cho tủ lạnh phòng xét nghiệm, chất liệu: Vỏ nhựa ABS hoặc vật liệu bền, chống va đập	Cái	13	
72	Nút đập kim luồn	Phù hợp với tất cả các size kim luồn tĩnh mạch, có cổng chích thuốc để sử dụng; Được làm bằng chất liệu nhựa cao su	Cái	30.000	
73	Ống đặt nội khí quản có bóng chèn	Chất liệu: nhựa PVC mềm, trong suốt, có bóng chèn áp lực thấp giúp cố định ống và ngăn rò rỉ khí; - Có bóng chèn (cuffed) size 7.0 - 8.0mm.	Cái	50	
74	Ống Facol 50ml	Ống nhựa, có nắp nhựa đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế, 50ml, có nút xoáy	Cái	6.000	
75	Ống mở màng phổi có trocar	Chất liệu: ống nhựa dẻo, vô khuẩn, có các lỗ bên ở đầu trong để dẫn lưu và một trocar có nòng cứng nhọn. - Kích thước Size 24F	Cái	100	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
76	Ống nghe	Thiết kế mặt nghe: 2 mặt; Dây ống nghe: Lồng ống đơn, cangk tay nghe góc mở rộng. Chiều dài dây nghe: 52-60cm, Bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng chất liệu Aluminum, Màng khuếch đại có độ nhạy cao.	Cái	50	
77	Ống nghiệm nhựa trong suốt có nắp trắng	Ống nhựa 5ml dùng trong xét nghiệm, kích thước (12 x 75mm) màu trắng trong.	Cái	5.000	
78	Ống nối chữ T máy thở	Chất liệu nhựa PVC y tế - Dây nối oxy dài 2.1 mét - Mạch ống kết nối cổng: 22F - Cổng kết nối giao diện kết thúc bệnh nhân: 22M /15F	Cái	50	
79	Ống nối dây máy thở Catheter Mount	Chất liệu: Nhựa PVC y tế, vô trùng, sử dụng 1 lần. - Ống có thể co giãn, có thể kéo dài phù hợp yêu cầu của thầy thuốc. - Chiều dài ống 15cm - 18cm. - Đường kính ống 22mm. Đầu co xoay được 360 độ, đầu nối tiêu chuẩn: 15/22mm phù hợp với tất cả các loại ống nội khí quản và dây máy thở. - Đầu ống có lỗ (có nắp đậy) lấy mẫu khí để đo nồng độ khí khi cần thiết	Bộ	30	
80	Ống silicone dùng một lần cho máy thở	Chất liệu: vật liệu PP và PE không độc hại - Kích thước ống: 15mm & 22mm - Ống gọn sóng dài 1,8m có mảnh Y, - Đầu nối khuỷu tay có nắp và các đầu nối 22F.	Cái	50	
81	Ống thông dạ dày	Sản phẩm làm bằng chất liệu silicon mềm dẻo, không làm tổn thương niêm mạc, số 16	Cái	50	
82	Ống thông hậu môn	Làm từ PVC mềm không độc hại, không gây kích ứng. Tiệt trùng, các cỡ.	Cái	200	
83	Ống thông tiểu 2 nhánh	Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên; Đầu thon mịn của ống thông tạo điều kiện dễ dàng đưa vào niệu đạo. Ống thông foley 2 nhánh tiệt trùng số 12,14,16,18	Cái	100	
84	Ống Thủy Tinh (Đáy bằng)	Ống Thủy Tinh dùng trong xét nghiệm	Cái	2.500	
85	Panh cong không máu	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Mũi cong, ngầm có khóa, kích thước: dài 12cm - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	52	
86	Panh thẳng có máu	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: dài 12cm. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	40	
87	Panh thẳng có máu	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: dài 14cm. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, sản xuất tại các quốc gia thành viên G7, có chứng nhận lưu hành tự do của FDA (Hoa Kỳ) /CE (Châu Âu)	Cái	40	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
88	Panh thẳng có máu	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kích thước: dài 16cm. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	40	
89	Panh thẳng không máu	- Chất liệu: Thép không rỉ. - Kích thước: dài 16cm. - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	30	
90	Phim CT Scanner	Phim khô Laser, kích thước 35x43 cm, có thể nạp phim theo khay dưới ánh sáng thường.	Tờ	6.000	
91	Phim X-Quang kỹ thuật số	Phim khô Laser, kích thước 20x25 cm, có thể nạp phim theo khay dưới ánh sáng thường	Tờ	10.000	
92	Phụ kiện cho máy xông khí dung siêu âm	Dẫn khí từ máy đến người sử dụng Chất liệu: nhựa dùng trong y tế, chịu nhiệt và có độ đàn hồi. Ống xoắn ruột gà dài khoảng 105cm, tương thích với máy xông khí dung siêu âm Comfort 3000	Dây	80	
93	Phụ kiện, bộ bo điện cực tim	- Phụ kiện bộ đo điện cực tim bằng cao su có 02 vị trí cắm chui cáp điện tim, với 02 kích cỡ phổ biến. - Bộ đo điện cực ECG có 01 phần là núm cao su để hút và 01 phần là đế kim loại để dẫn điện - Dùng làm điện cực hút, đặt trước ngực bệnh nhân khi đo điện tim - Bộ gồm 6 cái	Bộ	2	
94	Que thử đường huyết tại giường	Gồm 100 kim lấy máu + 100 que thử đường huyết (tương thích với máy đo đường huyết ở MSDT VTYT68)	Cái	300	
95	Săng mổ thủ thuật	Chất liệu: Vải không dệt tiệt trùng Kích thước: 80cm x 120cm Đóng gói: 01 cái/gói	Cái	200	
96	Thước đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm (CVP) và chỉ dùng cho truyền dịch bằng trọng lực. Chất liệu nhựa y tế Dải chia độ: Từ -15cm H ₂ O đến +35cm H ₂ O (hoặc tùy chỉnh độ chia vạch phóng đại giúp dễ đọc giá trị) Hệ thống đi kèm: Tích hợp khóa ba chạc, ống đo áp lực chiều dài 100 cm, hệ thống truyền dịch bằng trọng lực có thông khí chống rò rỉ vi khuẩn (chiều dài 145 cm) kèm bộ lọc dịch (15 µm)	Cái	1	
97	Túi ăn qua sonde dạ dày	Dùng để chứa và bơm thức ăn vào bệnh nhân. - Chất liệu: PVC - Dung tích: 1200 ml	Cái	100	
98	Túi đựng oxy	Túi được làm từ chất liệu cao su tự nhiên, không độc hại. Dung tích 30- 42 lít	Cái	30	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
99	Xe đẩy bệnh nhân	- Vật liệu : Thép mạ Chrome, Độ rộng ghế ngồi: $\geq 46\text{cm}$, Bánh trước rộng $\geq 8''$, xoay 360 độ, Bánh sau $\geq 24''$, bánh đặc, - Vành xe nan hoa tải trọng $\geq 120\text{kg}$, Khung xe được làm bằng sắt mạ crom. - Vị trí gác tay và chân gắn liền khung xe, - Xe có gắn 2 vòng lăn 2 bên, giúp cho việc tự di chuyển, Có hai tay đẩy phía sau để người nhà giúp di chuyển, Có hệ thống thắng xe ở 2 bên bánh xe. Bánh xe trước và sau được làm bằng cao su đúc. Có hệ thống thắng xe ở 2 bên bánh xe. - Xe có thể được xếp gọn lại khi không sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	4	
100	Xe đẩy oxy	- Vật liệu: Inox 304, hoặc Inox 403. Chiều cao khoảng: $\geq 1200\text{mm}$; sử dụng ống $\text{Ø}25 \times 1.0\text{mm}$ ($\pm 5\%$) . - Đế xe làm bằng inox tấm dày 3.0mm ($\pm 5\%$), có thể kiềng an toàn. Thanh giá giữ phía sau có thể dịch chuyển và được giữ nhờ hệ thống khóa móc cố định khi để bình oxy - Có dây xích chốt giữ cho bình oxy - Hai bánh xe trước và một bánh xe sau.	Hộp	4	

DANH MỤC HÀNG HOÁ
GÓI THẦU SỐ 2: MUA SẮM HOÁ CHẤT Y TẾ, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN IN VITRO NĂM 2027-2028 (24 THÁNG)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bóng đèn máy sinh hóa	Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Mispa CXL. 1 hộp/Cái	Cái	8	
2	Cuvette phản ứng dùng cho máy sinh hóa	Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Mispa CXL. 1 Hộp: 6 bộ 1 bộ: 20 cuvet	Bộ	72	
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa SGPT	Thuốc thử này được dùng để định lượng trong ống nghiệm SGPT trong huyết tương hoặc huyết thanh Thành phần: SGPT R1: + Tris Buffer (pH 7.5): 110 mmol/L + L-Alanine: 600 mmol/L + LDH: >1500 U/L SGPT R2: + α -ketoglutarate: 16 mmol/L + NADH: 0.24 mmol/L * Bộ gồm: R1: 01 lọ 63ml, R2: 01 lọ 20ml.	Bộ	22	
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa SGOT	Thuốc thử này được dùng để định lượng trong ống nghiệm SGOT trong huyết tương hoặc huyết thanh Thành phần: SGOT R1: + Tris Buffer (pH 7.8) : 88 mmol/L + MDH > 900 U/L + LDH > 1500 U/L SGOT R2: + α -ketoglutarate: 12 mmol/L + NADH :0.24 mmol/ L * Bộ gồm: R1: 01 lọ 63ml, R2: 01 lọ 20ml.	Bộ	22	
5	Hoá chất định lượng Creatinine	Thuốc thử dùng để định lượng trong ống nghiệm Creatinine trong huyết thanh hoặc nước tiểu Thành phần: Creatinine Base Reagent: + Imidazole (pH 6.7) 125 mmol/L + Sodium hydroxide 300 mmol/L + Sodium Phosphate 25 mmol/L Creatinine Dye Reagent: + Picric acid 8.73 mmol/L * Bộ gồm: R1: 01 lọ 60ml, R2: 01 lọ 18ml.	Bộ	25	
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa Gamma GT	Thuốc thử này được dùng để định lượng trong ống nghiệm Gamma GT trong huyết thanh Thành phần: Gamma GT R1: + Tris bufer pH (8.25) :133 mmol/L + Glycylglycine: 138 mmol/L Gamma GT R2: + GLUPA-C :23 mmol/L * Bộ gồm: R1: 01 lọ 65ml, R2: 01 lọ 20ml.	Bộ	12	
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa Total Protein	- Thuốc thử này được dùng để định lượng trong ống nghiệm total protein trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: + Potassium Iodide :6 mmol/L + Potassium sodium tartarate :21 mmol/L + Copper Sulphate:6 mmol/L + Sodium hydroxide :58 mmol/L Hộp 2 x 50 mL	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa CRP	- Thuốc thử được dùng để định lượng trong ống nghiệm CRP trong huyết thanh người Thành phần: CRP R1: Glycine buffer solution CRP R2: Latex suspension coated with anti-CRP antibodies. (rabbit polyclonal antibody) CRP Calibrator : Calibrator con: mentioned on the vial label Hộp gồm R1 : 1 lọ 50 ml, R2: 1 lọ 20 mL, Cali: 1 lọ 1mL	Hộp	1	
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa Bilirubin Direct	Thuốc thử này được dùng để định lượng trong ống nghiệm Bilirubin trong huyết tương hoặc huyết thanh Thành phần: Direct Bilirubin Reagent R1: + Sulfanilic acid :28.9 mmol/L + Hydrochloric acid : 165 mmol/L + Preservatives and stabilizers Direct Bilirubin R2 (Activator) Bộ gồm R1 1 lọ 63ml, R2 01 lọ 8ml	Bộ	3	
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa Bilirubin Total TAB	Thuốc thử này được dùng để định lượng trong ống nghiệm Bilirubin trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: Total Bilirubin Reagent R1: + Sulfanilic acid : 28.9 mmol/L + TAB: 9 mmol/L + Preservatives and stabilizers Total Bilirubin R2 (Activator) Bộ gồm R1 lọ 63ml, R2 lọ 8ml	Bộ	3	
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sinh hóa Glucose	Thuốc thử này được dùng để định lượng trong ống nghiệm glucose trong huyết thanh, huyết tương và CSF Thành phần: + Tris Buffer (pH 7.40):92 mmol/L + Phenol: 0.3 mmol/L + Glucose oxidase:15000 U/L + 4- Aminophenazone :2.6 mmol/L * Lọ 65ml	Lọ	38	
12	Hoá chất định lượng (ALT/GPT)	* Thành phần: - Thuốc thử (R1): Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l, L-Alanine 709 mmol/l, LDH (microbial) ≥ 2000 U/l - Thuốc thử (R2): CAPSO 20 mmol/l, 2-oxoglutarate 85 mmol/l, NADH 1.05 mmol * Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml	Bộ	36	
13	Hoá chất định lượng (AST/GOT)	* Thành phần: - Thuốc thử (R1): Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l, L-aspartic acid 340 mmol/l, LDH ≥ 4000 U/l, MDH ≥ 750 U/l - Thuốc thử (R2): CAPSO 20 mmol/l, 2-oxoglutarate 85 mmol/l, NADH 1.05 mmol/l * Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml	Bộ	36	
14	Hoá chất định lượng Creatinine	* Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l;* R2: Picric Acid 26 mmol/l. * Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml.	Bộ	40	
15	Hóa chất định lượng Glucose	*Thành phần: Phosphate buffer 250 mmol/l; Glucose oxidase >25 U/ml; Peroxidase >2 U/ml; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0,5 mmol/l. * Lọ 44ml	Lọ	60	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
16	Hóa chất định lượng Cholesterol	* Thành phần: Good's Buffer 50 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l; Cholesterol esterase ≥ 200 U/l; Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l; Peroxidase ≥ 3 Ku.* * Lọ 44ml	Lọ	10	
17	Hóa chất định lượng trực tiếp Bilirubin	* Thuốc thử định lượng bilirubin trực tiếp trong huyết thanh hoặc huyết tương. * Thành phần: - R1 Sulphanilic Acid, Cetrimide; - R2 Sodium Nitrite. * Bộ gồm : R1:1 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml	Bộ	6	
18	Hóa chất định lượng toàn phần Bilirubin	* Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l HCl 58.8 mmol/l Cetrimide 68.6 mmol/l, R2 Sodium Nitrite 2.90 mmol * Bộ gồm : R1:1 lọ 44ml , R2: 01 lọ 11ml	Bộ	6	
19	Hóa chất định lượng toàn phần Protein	* Thành phần: Copper II Sulphate 12 mmol/, Potassium Sodium Tartrate 31,9 mmol/l, Potassium Iodide 30.1 mmol/l, Sodium Hydroxide 0.6mol/l. * Lọ x 44ml	Lọ	10	
20	Hóa chất định lượng Acid Uric	* Thành phần: Pipes Buffer (pH 7) 50 mmol/l TOOS 0,48 mmol/l Uricase 200 U/l Peroxidase 5000 U/l 4-Aminoantipyrine 1,5 mmol/l. * Lọ 44ml	Lọ	10	
21	Hóa chất định lượng Gamma GT (γ -GT)	* Bộ hóa chất chẩn đoán dùng để định lượng gamma glutamyl transferase (γ GT) trong huyết thanh, huyết tương. * Thành phần: + Dung dịch R1 TR1 Tris buffer (pH 8.25) 125 mmol/l Glycyl Glycine 125 mmol/l + Dung dịch R2 L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l. * Bộ gồm R1: 1 lọ x 44ml, R2: 1 lọ x 11ml.	Bộ	6	
22	Hóa chất định lượng Triglycerides	* Thành phần:Good's buffer (pH 7.2) 50 mmol/l 4-Chlorophenol 4 mmol/l Mg 2+ 15 mmol/l ATP 2 mmol/l Glycerolkinase ≥ 0.4 KU/l Peroxidase ≥ 2.0 KU/l Lipoproteinlipase ≥ 2.0 KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0.5 KU/l 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/l * Lọ 44 ml	Lọ	10	
23	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	* Dùng để hiệu chuẩn lâm sàng các xét nghiệm sinh hóa thường quy * Dạng bột đông khô. * Thành phần: huyết thanh người hoặc động vật * Lọ 5ml	Lọ	48	
24	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	* Dạng bột đông khô. * Thành phần: huyết thanh người hoặc động vật. * Lọ 5ml	Lọ	48	
25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm thông số sinh hóa	* Dạng bột đông khô. * Thành phần: huyết thanh người hoặc động vật * Lọ 5ml	Lọ	24	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
26	Hóa chất pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: Anhydrous Sodium Sulfate[Na ₂ SO ₄]: 1.0% Preservative Solution[C ₅ H ₄ NOSNa]: 0.06% Muriate[KCl]: 0.04% Sodium Chloride: 0.4% Nước: 98,5%	Lít	530	
27	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: Sodium chloride: 0.5% Muriate: 0.05% Anhydrous Sodium Sulfate: 1% Surfactant(Polyoxyethylene lauryl ether, C ₅₈ H ₁₁₈ O ₂₄): 0.2% Nước: 98.25%	Lít	270	
28	Hóa chất ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: Boric acid: 0.5% Borax: 0.1% Dodecyl trimethyl ammonium chloride: 3% Myristyl trimethyl ammonium bromide: 0.3% Nước: 96.1%	Lít	30	
29	Dung dịch bảo quản tế bào máu và tẩy hóa chất	Thành phần: Trihydroxymethyl Aminomethane: 0.5% Hydrochlocric Acid: 0.05% Triton: 0.01% Nước: 99.46%	Lít	140	
30	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất rửa kim máy xét nghiệm Thành phần: Sodium hypochlorite 20% Water 80%	Lọ	30	
31	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa	* Đáp ứng thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng Các thông số kiểm chuẩn: đáp ứng tối thiểu 52 thông số. *Thành phần: ACE ; Acid phosphatase; Acid phosphatase ; Albumin; Alkaline Phosphatase; ALT; Amylase; Amylase; Free T3; Free T4; Gamma GT; HDL-Cholesterol; Protein; Total T3; Total T4; Triglycerides; TSH; Urea; Uric Acid; * Lọ x 5ml.	Lọ	24	
32	Hóa chất ngoại kiểm huyết học	* Đáp ứng tối thiểu 11 thông số công thức máu. Các thông số kiểm chuẩn: 11 thông số. * Thành phần: Haemoglobin; Haematocrit; Mean Cell Volume; Mean Cell Haemoglobin; Total White Blood Cell Count; * Lọ x 2ml	Lọ	24	
33	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm khí máu (pH, pO ₂ , pCO ₂ , total Hemoglobin).	Các thông số đo và tính toán được như sau: pH; PCO ₂ ; PO ₂ ; tHb; BP; HCO _{3a} ; HCO _{3s} ; BE; SBE; TCO ₂ ; BB; O ₂ Sat; O ₂ CT; P50; H ⁺ ; AaDO ₂ , Hct, H ⁺ .	Bộ	2	
34	Dung dịch rửa cho xét nghiệm khí máu (pH, pO ₂ , pCO ₂ , total hemoglobin).	Các thông số đo và tính toán được như sau: pH; PCO ₂ ; PO ₂ ; tHb ; BP; HCO _{3a} ; HCO _{3s} ; BE; SBE; TCO ₂ ; BB; O ₂ Sat ; O ₂ CT ; P50; H ⁺ ; AaDO ₂ , Hct, H ⁺	Test	320	
35	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy đo điện giải	Chức năng: Để hiệu chuẩn 2 điểm cho Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải. (Hộp gồm: Chất chuẩn A x 430 ml; Chất chuẩn B x 110ml) Bảo quản: 0-40 °C	Hộp	4	
36	Dung dịch rửa (Kích hoạt điện cực)	Chức năng: Để kích hoạt điện cực Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải Quy cách: 110 ml Bảo quản: 0-40 °C	Chai	2	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	Dung dịch rửa (Dung dịch khử protein ở các điện cực)	Chức năng: Khử protein của các điện cực Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện Quy cách: 5x25 mg Protein enzym + 1x5 ml Diluent Bảo quản: trước khi pha 0-40 °C; sau khi pha: 2 - 8°C trong 2 tuần	Hộp	2	
38	Dung dịch nạp đầy cho điện cực ISE	Chức năng: Làm đầy các điện cực ISE Electrodes, như: K, Na, Cl, Ca, Li, pH. Thể tích: 3 ml Bảo quản: 0-40 °C	Lọ	4	
39	Dung dịch nạp đầy cho điện cực tham chiếu	Chức năng: Làm đầy điện cực tham chiếu Reference Electrode Thể tích: 10 ml Bảo quản: 0-40 °C	Lọ	4	
40	Hóa chất chuẩn máy điện giải	Chức năng: Vật liệu kiểm soát chất lượng cho các thông số Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong các máy phân tích điện giải. Gồm 3 mức kiểm chuẩn: QC1, QC2 và QC3. Quy cách: 10x2 ml + 10x2 ml + 10x2 ml Bảo quản: 0-40 °C	Hộp	2	
41	Electrode, Calcium (Ca) (Điện cực Ca)	Chức năng: Điện cực chọn lọc ion Ca, dùng để đo nồng độ Ca trong mẫu. Khối lượng: 2.8 g Bảo quản: 0-40 °C	Cái	2	
42	Electrode, Chloride (Cl) (Điện cực Cl)	Chức năng: Điện cực chọn lọc ion Cl, dùng để đo nồng độ ion Cl trong mẫu Khối lượng: 2.8 g	Cái	4	
43	Electrode, Potassium (K) (Điện cực K)	Chức năng: điện cực chọn lọc ion K, dùng để đo nồng độ ion K trong mẫu Khối lượng: 2.8 g	Cái	2	
44	Electrode, Sodium (Na) (Điện cực Na)	Chức năng: điện cực chọn lọc ion Na, dùng để đo nồng độ ion Na trong mẫu Khối lượng: 4 g	Cái	2	
45	Electrode, pH (Điện cực pH)	Chức năng: Đo độ pH của mẫu Khối lượng: 4g	Cái	2	
46	Electrode, Reference (Điện cực tham chiếu)	Chức năng: Điện cực tham chiếu, tạo điện thế không đổi cho dòng chất lỏng Khối lượng: 20g	Cái	2	
47	Hóa chất xét nghiệm tuyến giáp FT3 bằng Elisa	Xét nghiệm dùng để phát hiện định lượng nồng độ Triiodothyronine tự do (fT3) trong huyết thanh người Thành phần: - Khay vi giếng phủ kháng thể (96 giếng) - Enzyme liên hợp (1x10.5 ml) - Bộ 6 lọ chất chuẩn (1 ml/lọ) - Chất tạo màu A (1x13 ml) - Chất tạo màu B (1x13 ml) - Chất dừng phản ứng (3N HCl) (1x10 ml) Độ chính xác: Hệ số tương quan = 0.950 Độ nhạy 0.05pg/ml	Test	96	
48	Hóa chất xét nghiệm tuyến giáp FT4 bằng Elisa	Xét nghiệm dùng để định lượng nồng độ Thyroxine tự do (fT4) trong huyết thanh người Thành phần: - Khay vi giếng phủ kháng thể (96 giếng) - Enzyme liên hợp (1x10.5 ml) - Bộ 6 lọ chất chuẩn (1 ml/lọ) - Chất tạo màu A (1x13 ml) - Chất tạo màu B (1x13 ml) - Chất dừng phản ứng (3N HCl) (1x10 ml) Độ chính xác: Hệ số tương quan = 0.9597 Độ nhạy 0.05 ng/dl	Test	96	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
49	Hóa chất xét nghiệm tuyến giáp TSH bằng Elisa	Xét nghiệm dùng để định lượng nồng độ Hormone kích thích tuyến giáp (Thyroid Stimulating Hormone - TSH) trong huyết thanh người Thành phần: - Khay vi giếng (96 giếng) phủ kháng thể đơn dòng kháng TSH từ chuột - Dung dịch enzyme liên hợp (1x13ml) - Bộ 6 lọ chất chuẩn đồng khô (1 ml/lọ) - Dung dịch cơ chất TMB (1x11ml) - Dung dịch ngừng phản ứng (1N HCl) (1x11ml) Độ chính xác: Hệ số tương quan = 0.994	Test	96	
50	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao	- Gồm lọ chứa $\geq 15\text{mL}$ chất làm giàu với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.1g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 μg , Nalidixic axit 2,400 μg , Trimethoprim 600 μg , Azlocillin 600 μg . 15mL/lọ x 6 lọ Chất làm giàu 6 lọ thuốc đông khô PANTA/Hộp, 100 test/ hộp	Hộp	1	
51	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn lao	Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. - Mỗi ống chứa $\geq 110\mu\text{L}$ chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và $\geq 7\text{ml}$ canh trường. 7mL/ống x 100 ống/hộp	Hộp	1	
52	Bộ ống chuẩn cho máy Mgit hoặc tương đương	- Được sử dụng trên máy BD BACTECTM MGITM 960/320 hoặc tương đương, dùng để hiệu chỉnh bộ phận phát hiện của máy 17 ống/Hộp	Hộp	1	
53	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi khuẩn lao	- Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex. - Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc - Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. 25 Test/Hộp	Hộp	3	
54	Dung dịch pha loãng	* Thành phần: Potassium Chloride < 0,9%, Sodium Sulphate < 1,2%, Buffer < 1,1% Stabiliser < 0,01%	Lít	220	
55	Dung dịch ly giải/phá hồng cầu	* Thành phần: Potassium Cyanic < 0,05%, Detergent < 5,3% Quaternary Ammonium Salt < 5,0%. * Chai 500ml	Chai	12	
56	Dung dịch rửa thường xuyên	* Thành phần: Sodiumhypochloride < 0,9%, Buffer < 0,3 % Detergent < 1,1%	Lít	15	
57	Dung dịch rửa định kỳ	* Thành phần: Sodium hypochloride < 14.9%; Sodium hydroxide < 1.0%; Detergent < 1,0%	Lít	15	
58	Test thử nước tiểu	Que thử 13 thông số nước tiểu - Đặc tính: que thử xét nghiệm bán định lượng 10 thông số Glucose, Bilirubin, Cetone (Acid acetoacetic), tỷ trọng, máu, pH, Protein (Albumin), Urobilinogen, Nitrite, Leukocyte (Bạch cầu), creatinine, calcium, microalbumin.	Test	2.400	
59	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	* Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, để định danh các vi sinh vật Gram âm	Thẻ	80	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
60	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	* Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, để định danh các vi sinh vật Gram dương	Thẻ	40	
61	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	* Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh.	Thẻ	80	
62	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	* Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh.	Thẻ	40	
63	Test nhanh chẩn đoán HIV	Test định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể HIV1/2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. Sản phẩm sử dụng một lần. Độ nhạy: $\geq 99,0\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,0\%$ Nằm trong danh sách WHO PQ	Test	3000	
64	Bộ nhuộm huỳnh quang	* Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. * Bộ thuốc thử bao gồm: (công thức tương ứng trên 1 Lít) - 1 chai 250 mL TB Auramine M: Auramine O 2.0g, Phenol USP 4.0g, Glycerine USP 100.0mL, Isopropanol 250.0mL, Nước cất 650.0mL. - 1 chai 250 mL TB Khử màu TM: Axit hydrochloric 5.0mL, Isopropanol 700.0mL, Nước cất 300.0mL. - 1 chai 250 mL TB Potassium Permanganate: Potassium Permanganate 5.0g, Nước cất 1000.0mL.	Bộ	170	
65	Bộ thuốc nhuộm gram	* Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin. * Bộ gồm 4 chai x 100ml	Bộ	6	
66	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn BA	* Môi trường thạch máu chuẩn bị sẵn, chứa 5% máu cừu, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích $25\text{ml} \pm 5\%$ Thạch màu đỏ tươi, dùng phân biệt các kiểu tiêu huyết: α, β	Đĩa	200	
67	Môi trường MacConkey	* Môi trường Macconkey agar chuẩn bị sẵn, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích $25\text{ml} \pm 5\%$	Đĩa	400	
68	Tinh dầu sả	* Tinh dầu sả màu vàng, màu hơi nâu có mùi thơm	Lít	100	
69	Nước cất	* Đạt tiêu chuẩn nước cất 1 lần	Lít	4000	
70	Cồn 90 độ	* Dung dịch không màu, trong suốt, không vẩn đục, có mùi cồn đặc trưng. Ethanol 90 độ.	Lít	30	
71	Hóa chất khử khuẩn (Cloramin B)	* Dạng bột, hàm lượng Clo hoạt tính $\geq 25\%$. Đóng trong thùng bảo quản chắc chắn	Kg	250	
72	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao	* Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: Glutaraldehyde $\geq 2\%$. Tương thích với nhiều chất liệu dụng cụ; Hạn sử dụng khi mở nắp 28 ngày	Lít	200	
73	Viên khử khuẩn Natri diclorocyanurat	* Thành phần: Sodium Dichloroisocyanurate (Tương đương 56%W/W cholin hoạt tính) * Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, khử khuẩn bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sản, vật dụng trong y tế	Viên	20.000	
74	Dung dịch tẩy rửa đa enzyme	* Thành phần hoạt chất protease enzyme 0,5%. Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme làm sạch dụng cụ y tế trước khi đem đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn. * Chai 1 lít	Chai	60	
75	Gel điện tim	* Thành phần: Carbomer, glycerin, natri clorid, nước. Phù hợp với tần số điện cực máy điện tim, không chứa Formadehyde. * Chai 250ml	Chai	60	

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
76	Gel siêu âm	* Thành phần: Carbomer, glycerin, natri clorid, nước. Phù hợp với tần số siêu âm không chứa Formadehyde	Lít	150	
77	Nước muối pha loãng mẫu	Chai 1 lít	Lít	25	
78	Men vi sinh xử lý nước thải bệnh viện	Xử lý các loại nước thải có đặc tính khó phân hủy, cải thiện nhanh chóng tình trạng sốc thải trong bệnh viện.	Kg	20	
79	Hóa chất phun sương khử khuẩn	Hóa chất có khả năng diệt khuẩn, diệt nấm, diệt vi-rút, diệt nấm men, diệt lao và diệt bào tử. Hóa chất chứa hydroxen peroxide nồng độ 6% và 17 ppm bạc. Hóa chất ổn định trong vòng 2 tháng sau khi mở nắp Chai 1 lít	Chai	48	
80	Hóa chất dùng cho xử lý nước thải Chloramin loại 200 g tan chậm	Hóa chất khử trùng: Trichloroisocyanuric acid (TCCA) dạng viên nén 200gram	Kg	100	
81	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần, hàm lượng: Ethanol 96% kết hợp cùng glycerin, tá dược dưỡng ẩm và kết hợp hương liệu	Chai	3000	
82	Dung dịch khử khuẩn vệ sinh bề mặt	Chai xịt 710ml + đầu xịt, Dung dịch phun xịt Thành phần: - Diisobutylphenoxyethoxyethyl dimethyl benzyl ammonium chloride 0,28%; - Ethylene Glycol Monobutyl Ether (hay còn gọi là 2-Butoxyethanol) từ 01%-05%; - Isopropanol 17,2%; - Nước.	Chai	30	
83	N - Acetyl – Cysteine	N-Acetyl-L-Cysteine (NALC); Lọ/Chai: 100g, dạng bột	Lọ	2	
84	Natri Citrat khan	Natri citrat khan (Sodium Citrate, Anhydrous); Lọ: 500g, dạng bột	Lọ	2	
85	Na ₂ HPO ₄ khan	Na ₂ HPO ₄ khan (Disodium Hydrogen Phosphate Anhydrous); Lọ/Chai: 500g, dạng bột	Lọ	2	
86	KH ₂ PO ₄ khan	KH ₂ PO ₄ khan (Potassium Dihydrogen Phosphate); Lọ/Chai: 500g, dạng bột	Lọ	2	
87	NaOH khan	NaOH khan (Sodium Hydroxide Anhydrous); Lọ/Chai: 500g, dạng hạt	Lọ	2	
Danh mục gồm 87 mặt hàng					

BIỂU MẪU BÁO GIÁ

Tên công ty:
Địa chỉ:
Mã số thuế:
Số điện thoại liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn

Căn cứ thư mời chào giá số:ngày /9/2026, của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn

Công ty (tên Công ty) kính gửi bảng báo giá Mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất và sinh phẩm chẩn đoán in vitro để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn năm 2027-2028 (24 tháng), như sau:

1. Bảng báo giá vật tư y tế, hóa chất:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (*)	Số lưu hành hoặc số GPNK	Chủng loại (model)	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) đã bao gồm thuế VAT	Số lượng	Thành tiền	Số thông báo mời thầu (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
	Tổng cộng: khoản												

2. Báo giá có hiệu lực 90 ngày kể từ ngày 02/10/2026

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Đơn giá của hàng hóa không thay đổi trong thời gian hiệu lực của báo giá.

....., Ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

Ghi chú:

(*) Đơn vị báo giá cam kết cung cấp đúng thông tin đáp ứng yêu cầu kỹ thuật mời chào giá.

(**) Nếu đơn vị báo giá có cung cấp KQLCNT trong vòng 12 tháng tính từ thời điểm báo giá.